

## MỘT SỐ PHÁT HIỆN VỀ CHẠM KHẮC ĐÁ THỜI NGUYỄN Ở HUẾ

TRẦN THỊ HOÀI ĐIỂM\*

### TÓM TẮT

Tới nay, nghệ thuật chạm khắc đá thời Nguyễn vẫn còn nhiều công trình nghiên cứu bị bỏ sót trong một thời gian dài, như: bia Ngự hà, đài nước bằng đá tại điện Kiến Trung (Đại nội), lăng Thái hậu Từ Dũ, lăng Hiếu Đông... Những phát hiện mới này đã tạo nên những ký hiệu thẩm mỹ với cấu trúc riêng biệt về mặt lịch sử mỹ thuật (ít nhất là ở mỹ thuật Huế). Đó là những đóng góp mới, làm đa dạng, phong phú hơn về nghệ thuật trang trí chạm khắc đá thời Nguyễn.

**Từ khóa:** chạm khắc đá; thời Nguyễn; mỹ thuật Huế.

### ABSTRACT

Until now many stone engraving arts of Nguyen Dynasty have still been abandoned for a long time such Ngự Hà stele, stone fountain at Kiến Trung palace, Từ Dũ mausoleum, Hiếu Đông mausoleum etc. These new findings put forward some new aesthetic signs with particular structure in art history in Huế. This is a contribution to the rich and diversity of stone engraving arts of Nguyen Dynasty.

**Key words:** Stone engraving arts; Nguyen Dynasty; Huế fine art.

Từ trước đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu với những ý kiến đánh giá khác nhau về nghệ thuật chạm khắc đá thời Nguyễn. Trong chương trình khảo sát nghiên cứu mỹ thuật thời Nguyễn tại Huế, chúng tôi nhận thấy còn có một số công trình, tác phẩm rất đáng được quan tâm và có thể mở ra những hướng nghiên cứu khác nhau, không chỉ về nghệ thuật chạm khắc đá mà còn một số chất liệu thể loại khác, như: Nghệ thuật trang trí nề đắp nổi, nghệ thuật pháp lam, với những bản gốc từ giữa thế kỷ XIX, nghệ thuật nề/ngõa, nghệ thuật sơn son thếp vàng và nghệ thuật trang trí trên văn bia đá. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin nêu một số công trình chạm khắc đá tiêu biểu, ít được nhắc đến, hoặc chưa được công bố, mà theo chúng tôi, đây là những công trình thật sự có giá trị nghệ thuật cao, cần được đánh giá và đề cập đến, như:

#### 1. Bia Ngự hà

Có một tấm bia đá cổ lẩn khuất trong đám cây cỏ dại, với những hoa văn trang trí chạm khắc tinh xảo đầy tính nghệ thuật. Theo nhà nghiên cứu Phan Thuận An trong tài liệu *Kinh thành Huế* (Nxb.

Thuận Hóa Huế - 1999) cho biết, tấm bia này do chính vua Minh Mạng viết để nói về quá trình hình thành của con sông (Ngự hà) và các cầu liên quan.

Ngự hà là dòng sông đào, khơi thông và nối với một vài dòng chảy khác được hình thành dưới thời vua Gia Long và Minh Mạng. Chức năng chính của Ngự hà là tiêu thông thoát nước, điều tiết dòng chảy cho kinh thành. Bia Ngự hà đặt cạnh cầu Ngự hà như trong bài văn bia "Ngự chế Ngự hà bi ký" vua Minh Mạng ghi rõ: "... Trẫm nghĩ rằng ở kinh thành tụ họp nhiều nhà cửa, người và ngựa đi trên đường cả ngày đêm...vì sông này trước đó chưa có tên, bèn gọi là Ngự hà, cho nên lấy nó để đặt tên cầu.... Cầu giúp ích nhiều cho việc qua lại, thuận lợi cho xe thuyền, lại được phòng bị nghiêm túc, làm cho kinh đô thêm hoành tráng, kinh phí tiền bạc trước sau đến vài trăm vạn, vẫn không tiếc. Nay làm bài ký để khắc vào bia".

Với chất liệu là đá Thanh, bia cao 1,7m. Ở đầu và trán bia, tai bia (tai trên và tai dưới) được chạm khắc tinh xảo những hình dạng rồng ngang (hổ phù), miệng ngậm chữ Thọ, cùng với hoa văn hình cánh phượng cách điệu, hình mây, sóng nước. Đường diềm dưới của bia là hình thủy ba, cách thức tạo nét khác hẳn phần trang trí trên, với sự

\* Trường Đại học Nghệ thuật Huế

mềm mại, thanh nhã mà chắc khỏe của nét và đạt đến độ tinh xảo của hình. Ở phần đế bia được trang trí theo dạng sập gụ trở chân quỳ, với đường lượn góc và hoa văn tạo cảm giác bề thế, uyển chuyển, sinh động. Cũng như những tấm bia khác cùng thời, tấm bia Ngự hà cũng được khắc một mặt chính, hướng về phía dòng sông theo trục Đông Nam.

Bia Ngự hà đã đạt đến một trình độ nghệ thuật rất cao, mà các đề tài chạm khắc gần như là “tranh vẽ nét trên đá” với sự tinh tế, mạnh mẽ mà sâu sắc. Sự kết hợp hoa lá, mây sóng cách điệu và tả các vân rồng ẩn hiện theo kiểu thức “long ẩn vân”, làm cho trang trí càng nổi bật và đầy âm sắc. Cùng với kiểu thức hổ phù ngậm chữ Thọ ở trán bia, là những lá lật từ trán bia, ôm lấy các cụm hoa văn bên trong, tạo nên một sự chặt chẽ, hoàn thiện cho bố cục.

## **2. Đài nước bằng đá tại điện Kiến Trung - Đại nội Huế**

Điện Kiến Trung được xây dựng từ năm 1921 đến 1923, dưới thời vua Khải Định (1916 - 1925), bằng vật liệu mới là bê tông cốt thép, với tòa nhà 2 tầng theo phong cách Âu - Á. Năm 1947, điện đã bị đổ nát, nay chủ yếu chỉ còn lại phần nền cao gần 3m với những bậc thềm trang trí rồng đắp nền. Nhiều năm qua, việc nghiên cứu, công bố những dự án phục dựng điện Kiến Trung đã được nêu ra, tuy nhiên, dường như trong các tài liệu này không nói đến ở đây còn một dấu tích mỹ thuật độc đáo, chưa từng có hình ảnh nào được công bố đó là một đài nước nghệ thuật. Cấu trúc đài nước bằng đá nằm sát bình phong tận cùng ở cực Bắc của Tử Cấm thành. Theo quan sát và số đo sơ bộ, chiều cao của “đài nước” khoảng 2,5m, gồm nhiều tầng đá to, nhỏ, cao thấp gắn kết, sắp chồng lên nhau. Với bề bằng bê tông, bể chứa nước được ghép từ bốn tấm đá cao khoảng 40cm, tạo nên một cung bán nguyệt rộng chừng 120cm, sâu 90cm. Lưng bể cong, cao hơn khoảng 30cm, được ghép bởi 4 tấm đá, cũng theo hình cong, được trang trí kiểu đường diềm hoa dây, phong cách giống lá lật trang trí tại lăng Khải Định, cung An Định và cung Trường Sanh. Kiểu thức rõ ràng là theo phong cách trang trí Rococo, đầu thế kỷ XVIII ở Pháp. Điều này không phải là quá mới ở Việt Nam (vào đầu thế kỷ XX), thậm chí cuối thế kỷ XIX cũng đã có dấu hiệu Rococo style trong trang trí khảm sứ màu ở lăng hoàng tử Kiên Thái Vương, rất tiếc là những hình ảnh đó chỉ còn lại ở tranh vẽ

màu nước trong tập BAVH năm 1925 của 2 tác giả là H. Peyssonneaux (2002) và BS. Gaide qua bài “Những lăng tẩm ở Huế: lăng Hoàng tử Kiên Thái Vương”. Phía bên ngoài của khối đá là 2 con quỳ cao khoảng 50cm, với đuôi lá lật cách điệu, vẫn là phong cách Rococo với chút hoa mỹ, rườm rà quen thuộc. Tầng 3 gồm 2 tấm đá, cũng làm theo kiểu vòng cung bán nguyệt, lùi vào trong. Tại đây trang trí hoa văn đường diềm hình cánh phượng. Phía ngoài hai bên có 2 con cá được trang trí tỉ mỉ, có râu, ria chảy dài xuống, mắt lồi, vẩy, đuôi được diễn tả theo lối tả thực. Cá là một trong những đề tài phương Đông diễn tả hạnh phúc, dư dả, vui vầy, gắn liền với biểu tượng nước. Ở tầng 4 là tấm trang trí chính, diễn tả hổ phù nhỏ hẳn ra trên mặt nền của tấm đá. Hổ phù không có 2 chân mà đồng nhất ở điểm dừng cuối cùng là 2 đuôi của đôi cá. Có lẽ, hiếm tìm thấy ở đâu, trong trang trí thời Nguyễn, có sự chuyển tiết điệu như thế. Bố cục tổng thể của phần trang trí chính này được cách điệu hóa ở trang trí xung quanh với các đám mây, tia lửa, sóng vờn, mây cuộn đan xen lớp lớp, làm nền cho một mặt hổ phù được diễn tả gần như mặt thú, nhân hóa với những chi tiết sắc nét, chạm sâu khá tinh tế. Phía trên cùng có mặt trời tiếp nối phần mái (mặt trời chỉ diễn tả 1/2), và những hoa lá hóa rồng. Phải chăng, đã có sự thất lạc một phần tấm đá trang trí phía trên, vì việc đặt những tấm đá ghép chưa có sự trùng khớp với nhau, vì vậy chỉ còn có 1/2 hình mặt trời?

Trên cùng khối cấu trúc đá là mái giả, với hoa văn hoa lá hóa rồng quen thuộc ở các đầu mái. Các viên ngói được diễn tả như kiểu vẩy cá, lớp lớp chồng lên nhau. Ngay dưới mái là khối “cổ diềm”, trang trí hoa cúc cách điệu, rất mềm mại, tao nhã. Hoa cúc xuất hiện nhiều trong mỹ thuật thời Nguyễn, bởi nó “... như một biểu tượng của nguồn ánh sáng, nhiều khi được nghĩ tới là mặt trời, những vân dấu hỏi được biểu tượng cho tia nắng hoặc sấm chớp”. Với những ý nghĩa như vậy, việc đặt biểu tượng hoa cúc tại đỉnh cao của đài nước đã mang đầy ý nghĩa ẩn dụ về mưa thuận gió hòa, an bình. Các cụm hoa văn chữ Vạn chạm sắc nét ở các góc mái càng nhấn mạnh tính thẩm mỹ phương Đông, “va chạm” với phong cách trang trí phương Tây.

Trong trang trí Huế, chữ Vạn được sử dụng khá nhiều, tác giả Nguyễn Hữu Thông cho biết: “Người Trung Quốc gọi chữ Vạn là “Tướng cát tường hải

vân" (tượng tốt lành, biểu tượng cho công đức sâu rộng như biển và quần tụ như mây). Điều đó một lần nữa chứng minh, vào thời kỳ giao thoa văn hóa Pháp - Việt ở cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, vẫn để lại những nét đặc sắc trong kiến trúc thời Nguyễn. Hình tượng lá lật chồng lên nhau khá mềm mại, tinh tế và tao nhã, có điểm nhấn chính, phụ rõ ràng.

### 3. Lăng Xương Thọ (lăng Thái hậu Từ Dũ)

Thái hậu Từ Dũ tên húy là Phạm Thị Hằng, sinh năm 1810 tại tỉnh Gò Công (nay thuộc Tiền Giang). Năm 14 tuổi, bà được Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (mẹ vua Minh Mạng) tuyển vào cung cho cháu nội là Nguyễn Phúc (tức Thiệu Trị). Hiện khu lăng Thái hậu Từ Dũ nằm ở giữa rừng thông, bên trái, phía sau Xương Lăng (lăng Thiệu Trị). Không gian của lăng được xác định bắt đầu từ hai trụ biểu, bốn hồ bán nguyệt, bốn bậc nền và Bửu thành. Các bậc



Đài nước tại điện Kiến Trung - Đại nội Huế - Ảnh: Tư liệu của tác giả

nền đều có lan can xây bằng gạch, trát vữa, nay đã sứt mẻ, đổ nát khá nhiều.

Cổng vào Bửu thành có tranh nề họa đề tài bát bửu bằng màu keo và trang trí khác ở các ô hộc. Bửu thành không có cửa bằng đồng bảo vệ như các lăng khác, ngay sau vòm cổng Bửu thành là bình phong lưỡng phụng cầu vân khảm sành sứ. Dù bị phôi pha theo thời gian nhưng vẫn nhận ra nét tinh túy, tỉ mỉ, khéo léo ở từng mảnh sứ được các nghệ nhân gắn ghép chính xác, phối màu hài hòa và có tính nghệ thuật cao. Phía sau Bửu thành còn có bình phong hậu, cùng với hình đôi phụng khá lớn chiếm vị trí chủ đạo. Tại vị trí này, trang trí chủ yếu bằng nề/ngõa đắp nổi, tô màu, điểm xuyết sành sứ. Tại Huyền cung, ở vị trí trung tâm, nơi đặt thi hài của bà Từ Dũ, đáng chú ý nhất là các hình tượng - hoa văn chạm đá. Đáng chú ý là hai chục mẫu đá vụn đổ nát rơi vãi xung quanh, với những hoa văn rồng, phụng, mây lửa, hoa dây và hoa văn kiểu thức đao mác rất phổ biến ở phía Bắc từ thời hậu Lê - mũi đao lượn sóng, nhọn, dài, đan xen nét chạm lượn bao quanh khá đặc sắc, như tác giả Trần Lâm Biền đã từng phát hiện: "... với đao mác, chúng ta đứng trước một chi tiết trang trí vẫn được mỹ thuật Nguyễn nuôi dưỡng trong các biểu hiện cung đình ở Huế". Trên nóc mái của Huyền cung là hai bình phong nhỏ ở 2 đầu hồi với chữ Thọ cách điệu, kỳ hà và hoa dây trong ô hộc dài. Phần bệ thờ có trang trí mặt hồ phù, với họa tiết mây cuộn, hoa dây khá tinh xảo, còn lại 4 góc bệ thờ là hoa lá hóa.

Hiện nay, lăng Xương Thọ vẫn ở đó, giữa ngàn thông reo lộng lẽ với những tác phẩm mỹ thuật chạm khắc đá tuyệt đẹp, Tin rằng, khi được nghiên cứu đầy đủ hơn, lăng sẽ là một trong những di tích được nhiều người quan tâm hơn.

### 4- Lăng Hiếu Đông

Cùng với hệ thống quần thể lăng tẩm các vua, các chúa

Nguyễn, còn có lăng của các bà Hoàng với nghệ thuật trang trí đặc sắc. Ngoài lăng Xương Thọ, còn có lăng Thánh Cung, lăng Vạn Vạn (2 bà vợ vua Đồng Khánh) và một lăng khác cũng có cùng nét độc đáo là lăng Hiếu Đông (lăng mộ của bà Hồ Thị Hoa, vợ vua Minh Mạng, là mẹ vua Thiệu Trị). Lăng nằm trong quần thể không gian với lăng Thiệu Trị. Bà Hồ Thị Hoa, người huyện Bình An, tỉnh Biên Hòa, là con gái của Phúc Quốc Công. Bà được vua Gia Long và Thuận Thiên Cao Hoàng hậu chọn đưa vào cung năm 1806, khi 16 tuổi. Năm 1807, bà đã hạ sinh một hoàng tử (vua Thiệu Trị sau này), sau 13 ngày thì bà mất, lúc này, lăng chỉ dựng đơn sơ, bình dị bên dòng sông Hương.

Năm 1841, khi lên ngôi, vua Thiệu Trị đã truy tôn bà là Tá Thiên Nhân Hoàng hậu. Và, lăng được tiến hành xây dựng quy mô bắt đầu từ đó. Lăng Hiếu Đông khá tách biệt, ẩn khuất trong một làng ven sông Hương. Dẫu vậy, lăng vẫn uy nghiêm, kang trang, quy mô với tường ngoài cao 3,6m, chu vi 80m, tường thành trong cao 2,5m, chu vi 60m và xây bằng gạch, vữa. Từ ngoài nhìn vào, lăng có cấu trúc rỗng ở 3 lối lên, chính giữa trang trí rỗng bằng đá và 2 bên là rỗng mây cách điệu. Tiếp tới là cổng đá uy nghi, vòm cung cao, rộng và thoáng, với trang trí đường diềm hoa văn cánh phụng biến thể, trên cùng là mây tụ, che một phần vòng tròn biểu tượng mặt trăng. Vào sâu trong khu mộ, có những điều khác biệt mà ít có ở lăng khác. Tại đây, 2 bức bình phong trước và sau đều được làm bằng đá, chạm khắc trang trí hoa văn hình rồng, lá hóa rồng, sóng, mây long ẩn, hoa lá uốn lượn mềm mại, tinh xảo. Hình như chỉ có thể gặp lối trang trí như vậy ở lăng bà Thuận Thiên Cao Hoàng hậu (ở quần thể lăng Gia Long). Đây là những pano với tấm đá hình chữ nhật, nguyên khối, cao chừng 2m và rộng khoảng 50cm, qua đó mới thấy được những kỳ công khi chọn cho được tấm đá đẹp và trang trí phù hợp. Hình tượng long ẩn vân mặc dù không mới về ý nghĩa và kiểu thức. Tuy nhiên, sự khác biệt là con rồng với các họa tiết có sự đột phá về đường nét, mà thoạt nhìn chúng ta có thể bắt gặp không chỉ là hình ảnh rồng thuần túy, mà còn có sự dung hòa với hình tượng phụng, dơi, cá, hoa lá hóa... Mật độ "ẩn vân" của rồng được trang trí tại lăng này cũng đậm đặc, phong phú hơn so với rồng mây ở những lăng khác. Sự căng mình của thân rồng với vẩy đan xen, sắc sảo và biến hóa. Có thể nói, dưới thời Thiệu Trị, hoa văn trang trí được chạm khắc

trên đá tại các công trình đã có sự đa dạng về kiểu thức, khác biệt, tinh tế và rất phong phú. Tại lăng Hiếu Đông, Huyền cung cũng được xây hoàn toàn bằng đá, trên mái là hình tượng rồng với dáng vẻ hiền hòa, gần gũi nhưng không kém phần uy nghi. Con dơi ngậm vòng tròn (tượng trưng đồng tiền và ý nghĩa viên mãn) cũng được đưa vào trên hai đầu hồi của Huyền cung, thể hiện ước vọng trường tồn về nơi an nghỉ của bà Hoàng hậu. Bệ thờ cũng được làm bằng đá, với các hoa văn trang trí cách điệu ở cả 4 hướng, theo bố cục đường diềm chữ "S" và hoa dây chuyển tiếp, sinh động, đa dạng. Hiện nay, đa phần các hoa văn đã bị mờ, nhưng vẫn còn nhận ra được hình thái nét và nhịp điệu trang trí. Mặt bệ đá phẳng, được ghép bởi 15 khối đá, tiếp đến vành đai bệ thờ hình vòng cung nhô ra, nơi có những dải hoa văn trang trí tinh nhã. Phần chân quỳ (4 góc) được thể hiện chắc chắn, tạo gờ bậc vững chãi, tao nhã, với các nét chạm trang trí trang nghiêm, sinh động và có ẩn ý tâm linh trong đó. Phía trước của bệ thờ có hoa văn dây móc vào nhau, kiểu trang trí này cũng hiếm gặp trong trang trí bệ thờ ở các lăng mộ thời Nguyễn.

#### Kết luận

Những công trình chúng tôi nêu trên đây tuy không hẳn là mới về lịch sử, nhưng rõ ràng là có những giá trị mỹ thuật về chạm khắc đá lần đầu được phát hiện.

Những giá trị trang trí trên bia đá Ngự hà, tại lăng Xương Thọ, bình phong bằng đá tại lăng Hiếu Đông, đài nước tại điện Kiến Trung đã bổ sung một phần đáng kể không chỉ trong nghệ thuật chạm khắc, mà còn góp phần vào việc mở rộng hơn nữa về ngôn ngữ nghệ thuật trang trí thời Nguyễn trong nền mỹ thuật truyền thống dân tộc nói chung, làm đa dạng phong phú hơn về tính đặc sắc của nền mỹ thuật này./.

T.T.H.D

#### Tài liệu tham khảo:

- 1- Phan Thuận An (1999), *Kinh thành Huế*, Nxb. Thuận Hóa.
- 2- H. Peyssonneaux và BS. Gaide (1925), *Những lăng tẩm ở Huế - Lăng Hoàng tử Kiên Thái Vương*, BAVH.
- 3- Trần Lâm Biền (2013), *Con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb. Văn hóa - Thông Tin.
- 4- Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế, nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Nxb. Thuận Hóa.
- 5- Bùi Văn Vượng (2000), *Di sản thủ công mỹ nghệ Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên.